

Số: 09 /2026/QĐ-UBND

An Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức
sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi,
bổ sung một số điều bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số
24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số
56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định
tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 32/TTr-STC ngày
14 tháng 01 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết
định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn
vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang theo quy định tại điểm đ khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 4, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 5; điểm b, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Phân cấp thẩm quyền quyết định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác chức danh

1. Cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định:

a) Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung

1. Cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Quyết định trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định:

a) Bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Quyết định trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo:

a) Sở Y tế quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo):

a) Cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà còn phù hợp thì tiếp tục thực hiện theo văn bản đã ban hành cho đến khi cơ quan, người có thẩm quyền được phân cấp tại Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng mới.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *se*

Nơi nhận: *se*

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT, nsnhai.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



16
Lê Trung Hồ